

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 09-6-2020

V/v Xin ly hôn, nuôi con  
và chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Phước Tự

Ông Trần Phước Hội

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Nguyễn Văn Tón, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2020 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT ngày 17/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐ-PT ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Đào Tú S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 578/5, Lộ Cải, ấp HĐ, xã VT, huyện LV, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Ân, sinh năm 1956; Địa chỉ: 291/2, ấp Long Khánh, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim Lệ D, sinh năm 1989;

Cư trú: Số nhà 967B/5, ấp HĐ, xã VT, huyện LV, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Lê Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà 64, Khóm 2, Phường 1, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

2- Bà Nguyễn Thị Hạnh C, sinh năm 1966;

3- Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số nhà 967B/5, ấp HĐ, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

4- Bà Đào Kim P, sinh năm 1953,

Địa chỉ: Số nhà 578/5, Lộ Cải, ấp HĐ, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại theo ủy quyền của bà Phụng: Ông Nguyễn Ngọc Ân, sinh năm 1956; Địa chỉ: 291/2, ấp Long Khánh, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 6 năm 2020).

(Có mặt: Ông A, chị D, bà Hạnh C; Vắng mặt: Chị Hoài T có Đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Lê Đào Tú S trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh và chị Diễm do mai mối quen biết nhau, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2011. Anh và chị D có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thới. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống hàng ngày D luôn nặng nề với chồng con, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, giữa anh và D không thể nào tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngày 28/02/2019 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn chị D dẫn theo hai con về nhà mẹ ruột sinh sống, từ đó anh và D đã ly thân. Vì thương con, nhớ vợ anh bệnh phải nhập viện điều trị tại bệnh viện Đa khoa Sa Đéc từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 3 năm 2019, nhưng chị D không một lời thăm hỏi. Nhận thấy tình cảm của anh và chị D thật sự đã không còn, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kim Lệ D.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của anh S trong việc tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn là ông Nguyễn Ngọc A có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:***

- Về con chung: Anh S và chị D có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Y N, sinh ngày 15/5/2011; Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 (hiện do chị D nuôi dưỡng). Khi ly hôn anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi hai con, nhưng chỉ đồng ý cấp dưỡng cho 01 cháu theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh S và chị D có các tài sản chung gồm:

Một bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy;

01 tủ Búp phê; 01 tủ chén; 01 giường ngủ bằng gỗ; 01 giường ngủ bằng sắt; 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư (toàn bộ tài sản hiện anh S đang giữ).

-Về nợ chung: Trong thời gian sống chung anh S và chị D có nợ của anh Lê Văn T số tiền mua dầu nhớt, phụ tùng xe máy là 8.000.000 đồng.

Nay anh S yêu cầu xin ly hôn với chị D, yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015, không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011 cho chị D nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con. Anh S xác định số nợ 8.000.000 đồng của anh T là nợ chung và mỗi người có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ là 4.000.000 đồng. Anh S đồng ý giao cho chị D tiền chênh lệch của toàn bộ các dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy là 7.500.000 đồng, anh S đồng ý giao cho chị D 01 tủ búp phê; 01 tủ chén; 01 giường ngủ bằng gỗ và 01 giường ngủ bằng sắt (hiện anh S đang giữ); anh S được sở hữu 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư.

Đối với yêu cầu của chị D yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị toàn bộ căn nhà là 45.893.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 20/8/2019 và sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 anh S không đồng ý. Vì chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 là tiền của anh S mua trước thời điểm kết hôn, còn căn nhà là của mẹ anh S là bà Đào Thị Kim P xây dựng trước khi anh S kết hôn với chị D và bà P cho vợ chồng ở nhờ để làm ăn sinh sống.

***\*Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Kim Lệ D trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị D xác định về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh S là do mai mối. Chị và anh S có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thới. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong quá trình sống chung hai vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, anh S và các chị của anh S đui chị chứ chị không tự ý về nhà mẹ ruột của chị. Nay chị D không còn tình cảm với anh S nữa.

- Về con chung: Chị D và anh S có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011; Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 (hiện chị D đang nuôi dưỡng).

- Về tài sản chung gồm: 01 căn nhà gỗ tạp vách tường do mẹ chồng xây dựng cho vợ chồng sau khi cưới và căn nhà phụ bằng khung tiền chế do vợ chồng chị D xây dựng, 01 xe máy hiệu Yamaha loại SIRIUS biển số 66N4-7183.

- Một bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy;

- 01 tủ Búp phê; 01 tủ chén; 01 giường ngủ bằng gỗ; 01 giường ngủ bằng sắt; 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư (toàn bộ tài sản hiện anh S đang giữ).

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của anh T là 8.000.000 đồng; bà Hạnh C là 26.000.000 đồng, chị Hoài T 11.000.000 đồng.

Nay chị D đồng ý ly hôn với anh S, yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011, Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị D đồng ý có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ là 4.000.000 đồng. Đồng ý trả cho bà Hạnh C 13.000.000 đồng và chị Hoài T 5.500.000 đồng.

Chị D đồng ý: Anh S sẽ giao cho chị D tiền chênh lệch của bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy là 7.500.000 đồng, 01 tủ Búp phê; 01 tủ chén; 01 giường ngủ bằng gỗ và 01 giường ngủ bằng sắt (hiện anh S đang giữ).

Chị D đồng ý để anh S được sở hữu 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư. Yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà là 30.338.500 đồng theo Biên bản định giá ngày 20/8/2019 và sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 (hiện anh S đang giữ).

Đối với phần đất thửa 1607, tờ bản đồ số 5, diện tích 169m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/4/2011 cho anh Lê Đào Tú S đứng tên; địa chỉ thửa đất tại ấp HĐ, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp chị D không yêu cầu chia.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T có đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:***

Anh có bán dầu nhớt và phụ tùng xe gắn máy cho anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D nhiều lần, do quen biết nên có cho anh S và chị D nợ lại. Ngày 19/02/2019 thì anh S với chị D có tổng kết số tiền còn thiếu là 8.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu Anh S và chị D có trách nhiệm liên đới trả cho anh số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng, mỗi người trả 4.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hạnh C có đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:***

Bà có cho con gái là Nguyễn Kim Lệ D cùng con rể là Lê Đào Tú S vay số tiền 26.000.000 đồng. Do là người nhà nên bà không có làm giấy tờ gì chứng minh cho việc cho vay tiền, tuy nhiên khi anh S và chị D làm thủ tục ly hôn bà có đến nhà yêu cầu anh S trả số tiền này, anh S có hứa là sẽ trả từ từ việc này bà có ghi video lại. Nay bà yêu cầu chị D và anh S có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay là 26.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa bà Hạnh C xác định trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà buộc anh S liên đới cùng chị D trả nợ thì bà chỉ yêu cầu chị D trả 13.000.000 đồng.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Kim P ủy quyền cho chị Lê Thị Phương T trình bày:***

Căn nhà chị D yêu cầu anh S chia là do bà Đào Thị Kim P xây dựng vào năm 2009 trước thời điểm anh S cưới chị D. Năm 2011 bà P cho anh S, chị D ở nhờ.

Nay anh S, chị D ly hôn nên bà P xác định căn nhà chị D yêu cầu chia là của bà P nên không đồng ý theo yêu cầu của chị D.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoài T:***

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có đơn yêu cầu độc lập, không có văn bản ý kiến về yêu cầu của mình và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 62/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D. Anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D được ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Kim Lệ D được quyền nuôi 02 con chung tên Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011 và Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 (hiện chị D đang nuôi). Anh Lê Đào Tú S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi cháu 50% tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật tại thời điểm thi hành án cho đến khi Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011 và Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 đủ 18 tuổi. Thời điểm thi hành tính từ tháng 01/2020.

Chị Nguyễn Kim Lệ D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Đào Tú S trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị D:

Anh S được sở hữu:

- Một bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy trị giá 15.000.000 đồng;
- 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư (hiện anh S đang giữ).

Anh S có trách nhiệm giao cho chị D:

- 01 tủ Búp phê; 01 tủ chén; 01 giường ngủ bằng gỗ; 01 giường ngủ bằng sắt; 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư (toàn bộ tài sản hiện anh S đang giữ) và 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền chênh lệch của bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy.

(*chi tiết các tài sản được thể hiện trên biên bản định giá ngày 20/8/2019 kèm theo*).

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Kim Lệ D về việc yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 và căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc anh S có nghĩa vụ chia một phần công sức đóng góp cho chị D trong việc duy trì, gìn giữ căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp với số tiền 15.298.000 đồng (*mười lăm triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng*).

- Anh S được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà phụ gắn liền với căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và trả giá trị chênh lệch cho chị D 7.392.000 đồng (*bảy triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng*).

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T.

Buộc anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D trả cho anh Lê Văn T 8.000.000 đồng. Anh S trả 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), chị D trả 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hạnh C về việc yêu cầu anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D liên đới trả số tiền 26.000.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Kim Lệ D trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh C số tiền 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án hôn nhân sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, lệ phí thẩm định, định giá, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/01/2020, chị Nguyễn Kim Lệ D là bị đơn và bà Nguyễn Thị Hạnh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo Bản án hôn nhân sơ thẩm số 62/2019/HNGĐ-ST ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Chị Nguyễn Kim Lệ D yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà chính và nhà phụ tại địa chỉ số 578/5, Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, Đồng Tháp và yêu cầu được sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183, chị D đồng ý trả cho anh S  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe.

Bà Nguyễn Thị Hạnh C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S có nghĩa vụ trả cho bà 13.000.000 đồng tiền nợ chung giữa anh S và chị D.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Chị Nguyễn Kim Lệ D trình bày: Yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà chính và nhà phụ trị giá 45.893.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 20/8/2019 và được sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 (hiện anh S đang giữ). Chị D đồng ý trả  $\frac{1}{2}$  giá trị xe cho anh S. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D, sửa bản án hôn nhân sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hạnh C trình bày: Yêu cầu anh S có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay là 13.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi (đây là tiền nợ chung của chị D và anh S).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Á trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định rất rõ căn nhà phụ tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung nên giao căn nhà phụ cho anh sử dụng và anh trả giá trị chênh lệch cho chị D 7.392.000 đồng (*bảy triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng*). Đối với xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 và căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là tài sản riêng của cá nhân anh S do có trước khi kết hôn với chị D. Nay chị D yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà chính và yêu cầu được sử dụng xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183, và trả cho anh  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe anh S không đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà Hạnh C yêu cầu anh S trả cho bà Hạnh C 13.000.000đồng, anh S không đồng ý vì anh S không có vay tiền của bà Hạnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Chị D kháng cáo yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà chính và yêu cầu được sở hữu xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183, để đưa rước con đi học và trả cho anh  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe anh S. Bà Hạnh C kháng cáo yêu cầu anh S trả 13.000.000đồng tiền vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị D và bà Hạnh C không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D và bà Hạnh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của luật sư và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim Lệ D về việc yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  tài giá trị căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183, đồng ý trả  $\frac{1}{2}$  giá trị xe cho anh S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị D trình bày căn nhà chính là do bà Đào Kim P mẹ anh S xây dựng và tặng cho vợ chồng chị D sau khi đám cưới để ở, nhưng chị D không có chứng cứ gì chứng minh bà P tặng cho căn nhà chính cho anh S và chị D sau đám cưới. Ông Á người đại diện theo ủy quyền của anh S và bà P khẳng định căn nhà chính là do bà P mẹ anh S xây dựng năm 2009 trước khi anh S kết hôn với chị D và cho anh S, chị D ở nhờ. Do đó chị D yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà chính là chưa phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản. Mặc dù chị D ở nhà chăm sóc con và gia đình nhưng theo quy định của pháp luật vẫn được coi như lao động có thu nhập. Nên đã xem xét một phần công lao động của chị D trong thời gian chung sống với anh S. Cụ thể: Căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được định giá là 45.893.000 đồng; các thành viên trong gia đình anh S đều có

công gìn giữ, duy trì gồm: bà P, anh S, chị D nên chị D được chia 1/3 giá trị căn nhà chính với số tiền (45.893.000đ : 3) bằng 15.298.000 đồng (đã tính tròn số) là phù hợp phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu được sở hữu xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 để làm phương tiện đưa rước con đi học và đồng ý trả cho anh S ½ giá trị xe của chị D: Ông Ân người đại diện theo ủy quyền của anh Sĩxác định chiếc xe máy nêu trên là tài sản riêng của anh S có trước khi kết hôn với chị D. Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 do Công an huyện Lai Vung cấp ngày 31/3/2010 cho anh Lê Đào Tú S nhưng chị D và anh S đăng ký kết hôn ngày 14/3/2011 sau thời điểm đăng ký xe. Còn chị D cho rằng xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 là tài sản chung của chị và anh S, nên yêu cầu được sở hữu xe và trả giá trị cho anh S, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh anh S đã nhập tài sản riêng của anh S là chiếc xe máy vào tài sản chung của vợ chồng. Như vậy việc chị D yêu cầu được sở hữu xe nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 và đồng ý trả cho anh S ½ giá trị xe là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hạnh C yêu cầu anh S trả số tiền vay 13.000.000 đây là nợ chung của anh S và chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Hạnh C trình bày cho anh S và chị D vay tiền nhiều lần tổng cộng là 26.000.000 được chị D thừa nhận nhưng anh S không thừa nhận. Bà Hạnh C không có giấy tờ chứng minh anh S có cùng chị D vay tiền của bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hạnh C cung cấp một USB chứa đoạn video clip cho rằng trong đoạn video clip anh S có lời thừa nhận có vay tiền của bà nhưng qua xem đoạn video clip thì không thể hiện rõ việc anh S có thừa nhận cùng chị D vay của bà Hạnh C số tiền 26.000.000 đồng. Vì vậy, bà Hạnh C yêu cầu anh S trả cho bà số tiền 13.000.000 đồng là không có căn cứ

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã xử có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim Lệ D và bà Nguyễn Thị Hạnh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của chị D, bà Hạnh C không được chấp nhận nên chị Di, bà Hạnh C phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim Lệ D và bà Nguyễn Thị Hạnh C.

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2020/HNGĐ-ST ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D. Anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D được ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Kim Lệ D được quyền nuôi 02 con chung tên Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011 và Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 (hiện chị D đang nuôi). Anh Lê Đào Tú S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi cháu 50% tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật tại thời điểm thi hành án cho đến khi Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 15/5/2011 và Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 đủ 18 tuổi. Thời điểm thi hành tính từ tháng 01/2020.

Chị Nguyễn Kim Lệ D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Đào Tú S trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị Diễm:

Anh Sĩ được sở hữu:

- Một bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy trị giá 15.000.000 đồng;  
- 01 tủ lạnh (Sanyo); 01 máy lạnh (Samsung) và 01 máy giặt đã bị hư (hiện anh S đang giữ).

Anh S có trách nhiệm giao cho chị D:

- 01 tủ Búp phê; 01 tủ chén; 01 giường ngủ bằng gỗ; 01 giường ngủ bằng sắt và 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền chênh lệch của bộ dụng cụ, phụ tùng sửa chữa xe máy.

*(chi tiết các tài sản được thể hiện trên biên bản định giá ngày 20/8/2019 kèm theo)*

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Kim Lệ D về việc yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 66N4- 7183 và căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc anh S có nghĩa vụ chia một phần công sức đóng góp cho chị D trong việc duy trì, gìn giữ căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp với số tiền 15.298.000 đồng (*mười lăm triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng*).

- Anh S được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà phụ gắn liền với căn nhà chính tại số 578/5 Lộ Cải, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và trả giá trị chênh lệch cho chị D 7.392.000 đồng (*bảy triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng*).

- Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T.

Buộc anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D trả cho anh Lê Văn T 8.000.000 đồng. Anh S trả 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), chị D trả 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hạnh C về việc yêu cầu anh Lê Đào Tú S và chị Nguyễn Kim Lệ D liên đới trả số tiền 26.000.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Kim Lệ D trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh C số tiền 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*).

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

Anh Lê Đào Tú S phải nộp 1.839.600 đồng (*một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng ngày 03/4/2019 theo biên lai số 0008621 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh S còn phải nộp tiếp 1.539.600 đồng (*một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Kim Lệ D phải nộp 2.809.500 đồng (*hai triệu tám trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.787.500 đồng ngày 11/9/2019 theo biên lai số 0001801 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị D còn phải nộp tiếp 1.022.000 đồng (*một triệu không trăm hai mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Về lệ phí thẩm định, định giá: Anh S và chị D mỗi người phải nộp 250.000 đồng. Chị D đã nộp tạm ứng số tiền 500.000 đồng (đã chi xong). Anh S có trách nhiệm hoàn trả cho chị D 250.000 đồng (*hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Hoàn trả cho anh Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001577 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 650.000 đồng theo biên lai số 0001844 ngày 09/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Kim Lệ D mà anh Lê Đào Tú S chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho chị D thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lê Văn T mà chị Nguyễn Kim Lệ D và anh Lê Đào Tú S chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả anh T thì hàng tháng anh S, chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Hạnh C mà chị Nguyễn Kim Lệ D chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho bà Hạnh C thì hàng tháng chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

#### 4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Kim Lệ D phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0000005 ngày 09-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Bà Nguyễn Thị Hạnh C phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0000004 ngày 09-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên đóng dấu)**

**Lê Hồng Nước**